

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN NGỮ VĂN
KHỐI 6
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)
ĐỢT 1
(6/9/2021- 18/9/2021)

Bài 1 Hòa nhập vào Môi trường mới

Nội dung tìm hiểu: Nhận biết cơ bản sách giáo khoa Ngữ Văn 6. Phương pháp học tập môn Ngữ văn. **Biết lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách.**

Yêu cầu: học sinh đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi theo phiếu gợi ý.

Nguồn tài liệu: sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 1 Chân trời sáng tạo trang 9,10,11,12,13, 14,15,16 (HS có thể đọc sách điện tử trên file giáo viên chủ nhiệm gửi)

PHẦN I. PHIẾU HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

Hoạt động 1 : Đọc “ Khám phá một chặng hành trình” và hoàn thành các phiếu theo yêu cầu sau:

1.Nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 6.

Sách giáo khoa Ngữ văn 6 gồm 10 chủ điểm chia thành ba mạch kết nối. Dựa vào tên gọi từng chủ điểm, em hãy thử xác định chủ điểm nào thuộc mạch kết nối nào theo bảng gợi ý sau:

Kết nối em với thiên nhiên	Kết nối em với cộng đồng	Kết nối em với chính mình
.....	<i>Ví dụ:</i> Bài 1: Lắng nghe lịch sử nước mình

2. Phương pháp học tập môn Ngữ văn

Liệt kê các phương pháp học tập môn Ngữ văn mà em biết khi đọc văn bản “ Khám phá một chặng hành trình...”

stt	Một số phương pháp học tập môn Ngữ văn
1	
2	
3	
4	
5	
6	

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS thực hiện Sổ tay Văn học

Chuẩn bị: 1 cuốn tập hoặc 1 sổ tay có kích thước gần bằng quyển tập

- Tờ đầu tiên của sổ tay ghi các thông tin về bản thân như:
 - Họ và tên
 - Ngày tháng năm sinh
 - Địa chỉ, lớp
 - Sở thích
 - Câu danh ngôn mà mình yêu thích

Học sinh có thể trang trí, vẽ tranh cắt dán hình ảnh mà mình yêu thích.

- Những tờ tiếp theo được thực hiện trong quá trình đọc sách với các hình thức:

1. Tìm từ hay

Tên cuốn sách:.....tác giả.....

Trang	Từ	Nghĩa	Lý do tôi cho rằng từ này đặc sắc

2. Người liên hệ

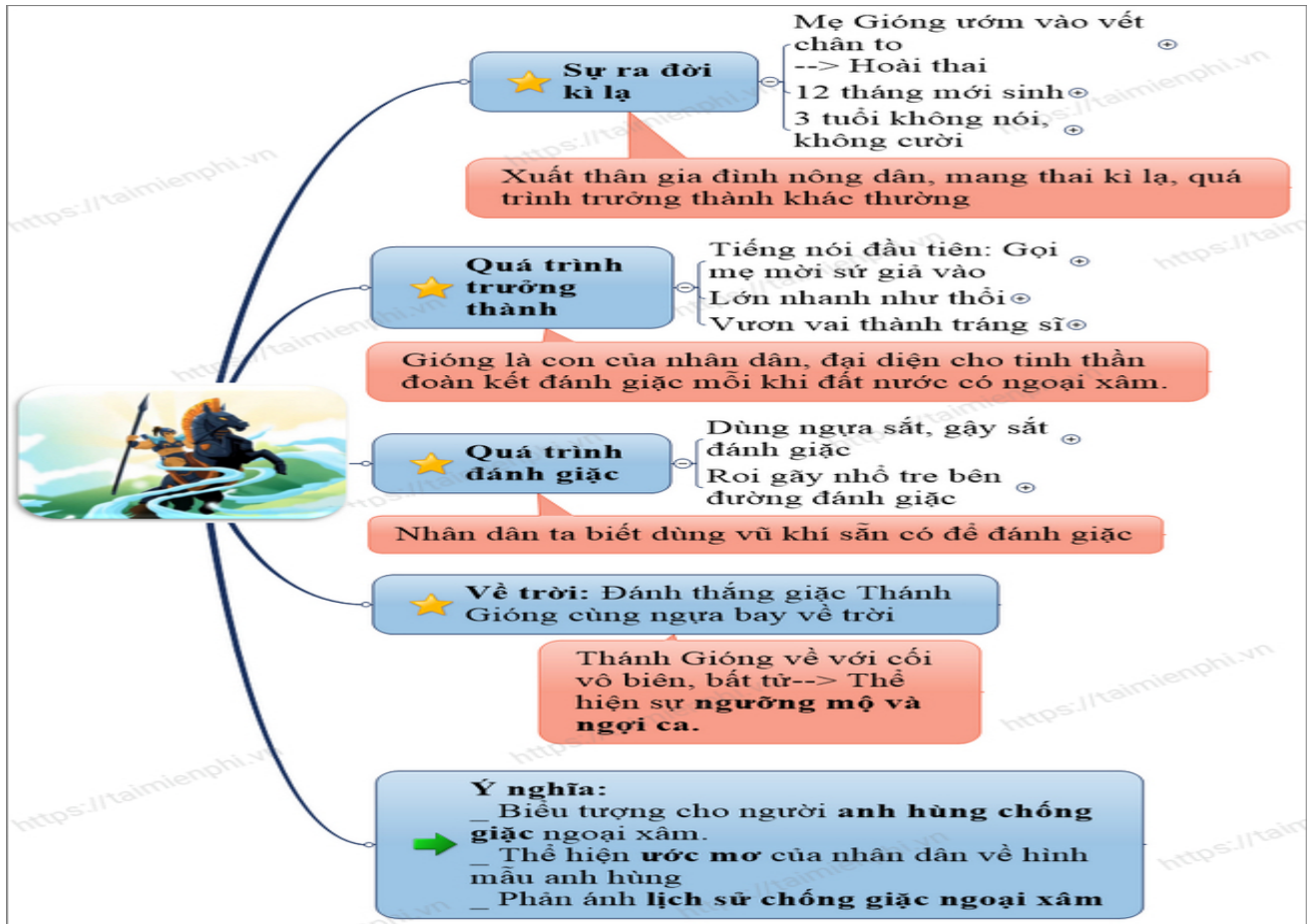
Tên cuốn sách:.....tác giả.....

Gợi ý	Liên hệ của tôi
Liên hệ với cuốn sách, tác phẩm khác	
Liên hệ với con người sự việc trong đời sống	
Liên hệ với trải nghiệm của bản thân	

3. Vẽ sơ đồ tư duy

Tên cuốn sách:.....tác giả.....

(Sơ đồ tóm tắt tác giả, nội dung chính, nghệ thuật đặc trưng của tác phẩm hoặc sơ đồ về nhân vật). Tham khảo sơ đồ về nhân vật Thánh Gióng:



4. Người vẽ hình ảnh

Tên cuốn sách:.....tác giả.....

(vẽ hình ảnh được gợi ra từ việc đọc tác phẩm: một cảnh vật, một sự việc, một chân dung..)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Hoạt động : Đọc “ Khám phá một chặng hành trình” và hoàn thành các phiếu yêu cầu sau:
1.Nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 6.

Kết nối em với thiên nhiên	Kết nối em với cộng đồng	Kết nối em với chính mình
Bài 5: Trò chuyện cùng thiên nhiên Bài 10: Mẹ thiên nhiên	Bài 1: Lắng nghe lịch sử nước mình Bài 2: Miền cổ tích Bài 3: Vẻ đẹp quê hương Bài 7: Gia đình yêu thương Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống	Bài 4: Những trải nghiệm trong đời Bài 6: Điểm tựa tinh thần Bài 9: Nuôi dưỡng tâm hồn

2. Phương pháp học tập môn Ngữ văn

stt	Một số phương pháp học tập môn Ngữ văn
1	Sử dụng sổ tay Văn học
2	Sưu tầm video, clip, tranh ảnh, bài hát về bài học.
3	Tạo nhóm thảo luận môn học.
4	Làm thẻ thông tin.
5	Thực hiện các sản phẩm sáng tạo.
6	Câu lạc bộ đọc sách

PHẦN II. THỰC HÀNH

Thực hành làm sổ tay Văn học theo sự hướng dẫn trên.

PHẦN III. NHỮNG NỘI DUNG HS CẦN GIẢI ĐÁP

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A:	1.
....	Phần B:	2.
		3.

Bài 1 Lắng nghe lịch sử nước mình

Nội dung tìm hiểu: Tri thức Ngữ văn và đọc hiểu văn bản : Thánh Gióng

Yêu cầu: học sinh đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi theo phiếu gợi ý.

Nguồn tài liệu: sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 1 Chân trời sáng tạo trang 17, 18, 19,20,21,22 (HS có thể đọc sách điện tử trên file giáo viên chủ nhiệm gửi)

PHẦN I. PHIẾU HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

Nhiệm vụ: Đọc tri thức đọc hiểu sách giáo khoa trang 17, 18 và thực hiện các yêu cầu sau:

Tìm hiểu đặc trưng thể loại truyền thuyết

Yêu cầu	Câu trả lời (sản phẩm đọc hiểu)
Truyền thuyết là gì?	
Nêu những đặc điểm của nhân vật truyền thuyết.	
Cốt truyện là gì?	
Nêu đặc điểm của cốt truyện.	
Yếu tố kỳ ảo trong truyền thuyết có vai trò gì?	

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản Thánh Gióng

Nhiệm vụ: Đọc văn bản Thánh Gióng sách giáo khoa trang 19, 20, 21, 22 và hoàn thành các yêu cầu sau:

1. Nhân vật sự kiện

a. Đặc điểm nhân vật

Yêu cầu	Câu trả lời (sản phẩm đọc hiểu)
Nhân vật chính	
Lai lịch(ở đâu?Thời nào?)	
Làm gì?	
Nhân vật gắn với sự kiện lịch sử và chiến công nào?	
Nhân vật được người dân truyền tụng và tôn thờ ra sao?	

b. Liệt kê các chuỗi sự việc chính trong câu chuyện

1	
2	
3	
4	
5	

2. Ý nghĩa các yếu tố kỳ ảo trong truyện

Chi tiết	Ý nghĩa
a. Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	
b. Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	
c. Bà con góp gạo nuôi Gióng	
d. Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ	
đ. Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc	
e. Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời	

3. Tổng kết

Nội dung	Nghệ thuật
Thông qua hình tượng Thánh Gióng, truyện phản ánh hiện thực và ước mơ gì của nhân dân?	Yếu tố kỳ ảo trong truyện được sử dụng nhằm mục đích gì?

*Các em nên tự tìm hiểu, ghi nhận câu trả lời rồi tham khảo đáp án nhé!
Các em có thể có cách diễn đạt tương tự, không cần giống từng câu từng chữ trong đáp án nhé! Thầy cô luôn tôn trọng suy nghĩ của các em.*

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

Nhiệm vụ: Đọc tri thức đọc hiểu sách giáo khoa trang 17, 18 và thực hiện các yêu cầu sau:

Tìm hiểu đặc trưng thể loại truyện thuyết

Yêu cầu	Câu trả lời (sản phẩm đọc hiểu)
Truyện thuyết là gì?	<i>Truyện thuyết là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.</i>
Nêu những đặc điểm của nhân vật truyện thuyết.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật thường có đặc điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh... - Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lao lớn đối với cộng đồng. - Được cộng đồng truyền tụng và tôn thờ.
Cốt truyện là gì?	<i>Cốt truyện là một chuỗi sự việc được sắp xếp theo 1 trình tự nhất định và có liên quan chặt chẽ với nhau</i>
Nêu đặc điểm của cốt truyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ. - Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật

	- Cuối truyện thường gọi nhắc dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại.
Yếu tố kỳ ảo trong truyền thuyết có vai trò gì?	- Thể hiện sức mạnh của nhân vật, sức mạnh của thần linh - Thể hiện

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản Thánh Gióng

Nhiệm vụ: Đọc văn bản Thánh Gióng sách giáo khoa trang 19, 20, 21, 22 và hoàn thành các yêu cầu sau:

1. Nhân vật sự kiện

Đặc điểm nhân vật

Yêu cầu	Câu trả lời (sản phẩm đọc hiểu)
Nhân vật chính	Thánh Gióng
Lai lịch(ở đâu?Thời nào?)	Vào thời Hùng Vương, ở Làng Gióng
Làm gì?	Đánh giặc
Nhân vật gắn với sự kiện lịch sử và chiến công nào?	Đời Hùng Vương thứ Sáu,nhân dân ta biết chế tạo vũ khí bằng sắt, đánh đuổi giặc Ân
Nhân vật được người dân truyền tụng và tôn thờ ra sao?	Vua Phong làm Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ở quê nhà. Hội Gióng

Liệt kê các chuỗi sự việc chính trong câu chuyện

1	Sự ra đời kì lạ
2	Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc
3	Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt
4	Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ
5	Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc
6	Gióng bay về trời

2. Ý nghĩa các yếu tố kỳ ảo trong truyện

Chi tiết	Ý nghĩa
a.Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	+ Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... + Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ.
b.Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	Chi tiết thể hiện mơ ước có vũ khí thần kỳ . Đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương. Nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc.
c.Bà con góp gạo nuôi Gióng	Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.
d.Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ	Ước mơ về người anh hùng có sức mạnh phi thường đánh đuổi giặc ngoại xâm.

đ.Gióng nhỏ tre bên đường đánh giặc	Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.
e.Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời	- Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh. - Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng

3. Tổng kết

Nội dung	Nghệ thuật
Thông qua hình tượng Thánh Gióng, truyện phản ánh hiện thực và ước mơ gì của nhân dân?	Yếu tố kỳ ảo trong truyện được sử dụng nhằm mục đích gì?
- Thánh Gióng là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc. - Thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc	Sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử, thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.

PHẦN II. TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phiếu học tập số 1	
Điền khuyết và chọn đáp án đúng	
1. (1) Điền vào chỗ trống để hoàn thành khái niệm truyện thuyết	
<i>Truyện truyền thuyết</i> là loại truyện dân gian, có yếu tố, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.	
2.(1) Trong truyện Thánh Gióng, Gióng đã yêu cầu nhà vua sắm sửa cho mình những vật dụng gì để đi đánh giặc?	
A. Một áo giáp sắt, một đội quân tinh nhuệ và một chiếc roi sắt. B. Một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một áo giáp sắt. C. Một con ngựa sắt, một áo giáp sắt cùng một đội quân tinh nhuệ. D. Một áo giáp sắt, một đội quân tinh nhuệ, một cái roi sắt	
3. (1) Tác phẩm Thánh Gióng thuộc thể loại truyện dân gian nào?	
A. Cổ tích. B. Thần thoại. C. Truyện thuyết. D. Ngụ ngôn.	
4. (2) Vì sao truyện Thánh Gióng được xếp vào thể loại truyền thuyết?	
A. Đó là câu chuyện dân gian về các anh hùng thời xưa. B. Đó là câu chuyện được kể truyền miệng từ đời này qua đời khác. C. Đó là câu chuyện liên quan đến các nhân vật lịch sử. D. Đó là câu chuyện dân gian có nhiều yếu tố kì ảo và liên quan đến sự thật lịch sử.	
5. (2) Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?	
A. Tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân B. Biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. C. Ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước. D. Tất cả đều đúng	

6.(2) Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết Thánh Gióng?

- A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.
- B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.
- C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.
- D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

Phiếu học tập số 2 (2)

Câu hỏi: Tại sao hội thi thể thao trong nhà trường mang tên "***Hội khỏe Phù Đổng***"?

Trả lời:

Phiếu học tập số 3 (2)

Câu hỏi: Ngoài Hội Gióng thì em còn biết đến lễ hội nào gắn với người anh hùng chống giặc ngoại xâm nữa?

Trả lời:

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Tưởng tượng kỳ ảo, lịch sử
2. B
3. C
4. D
5. D

6. B

7. – Hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.

– Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.

– Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.

8. Hội Đền Hùng, Hội Đống Đa....

PHẦN III. NHỮNG NỘI DUNG HS CẦN GIẢI ĐÁP

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A:	1.
....	Phần B:	2.
		3.

Bài 1 Lắng nghe lịch sử nước mình (tt)

Nội dung tìm hiểu: văn bản “ Sự tích Hồ Gươm”, đọc kết nối chủ điểm “ Hội thổi cơm thi ở Đồng Văn”

Yêu cầu: học sinh đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi theo phiếu gợi ý.

Nguồn tài liệu: sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 1 Chân trời sáng tạo trang 22, 23, 24, 25, 26, 27 (HS có thể đọc sách điện tử trên file giáo viên chủ nhiệm gửi)

PHẦN I. PHIẾU HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung văn bản

Nhiệm vụ: đọc văn bản “Sự tích Hồ Gươm” trang 22, 23 và trả lời câu hỏi theo phiếu học tập sau:

Sự kiện	Long Quân cho mượn gươm	Long Quân đòi gươm
Hoàn cảnh lịch sử		
Cách thức hành động		
Ý nghĩa		

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc trưng thể loại

Nhiệm vụ: Theo em sự tích Hồ Gươm thể hiện những đặc điểm nào của thể loại truyền thuyết?

Trả lời theo phiếu gợi ý sau:

- Đặc điểm nhân vật

Đặc điểm	Câu trả lời của em
Nhân vật chính là ai?	
Lai lịch của nhân vật (ở đâu?)	
Gắn với sự kiện lịch sử nào và có công lớn gì với cộng đồng?	

- Đặc điểm cốt truyện

Đặc điểm	Câu trả lời của em
Nêu các yếu tố kỳ ảo trong truyện.	
Cốt truyện thể hiện nhận thức và tình cảm của nhân dân với nhân vật và sự kiện lịch sử như thế nào?	
Dấu tích xưa còn lưu lại là gì?	

Các em nên tự tìm hiểu, ghi nhận câu trả lời rồi tham khảo đáp án nhé!

Các em có thể có cách diễn đạt tương tự, không cần giống từng câu từng chữ trong đáp án nhé! Thầy cô luôn tôn trọng suy nghĩ của các em.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung văn bản

Nhiệm vụ: đọc văn bản “Sự tích Hồ Gươm” trang 22, 23 từ đầu đến đất nước và trả lời câu hỏi theo phiếu học tập sau:

Sự kiện	Long Quân cho mượn gươm	Long Quân đòi gươm
Hoàn cảnh lịch sử	- Giặc Minh đô hộ. - Nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhiều lần bị thua.	- Đất nước hòa bình - Lê Lợi lên làm vua
Cách thức hành động	- Lê Thận là người đánh cá nhặt được lưỡi gươm dưới nước. - Lê Lợi đến nhà Lê Thận, thanh gươm sáng lên 2 chữ “Thuận thiên” - Lê Lợi nhặt được chuôi gươm trên rừng (gươm sáng trên ngọn cây đa) . - Gươm tra vào vừa như in.	- Ở hồ Tả Vọng - Nhân vật đòi gươm: Rùa Vàng - Vua nâng gươm – Rùa Vàng đớp gươm và chìm xuống đáy xuống hồ
Ý nghĩa	- Việc Long Quân cho mượn gươm thần chứng tỏ cuộc khởi nghĩa được tổ tiên, thần thiêng ủng hộ. - Tính chất toàn dân trên dưới một lòng tham gia đánh giặc..	- Giải thích tên gọi của Hồ Hoàn Kiếm - Đánh dấu và khẳng định chiến thắng hoàn toàn của nghĩa quân Lam Sơn. - Phản ánh tư tưởng, tình cảm yêu hoà bình đã thành truyền thống của nhân dân ta. - Ý nghĩa cảnh giác răn đe với những kẻ mưu đồ xâm lược nước ta.

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc trưng thể loại

Nhiệm vụ: Theo em sự tích Hồ Gươm thể hiện những đặc điểm nào của thể loại truyền thuyết?
 Trả lời theo phiếu gợi ý sau:

- Đặc điểm nhân vật

Đặc điểm	Câu trả lời của em
Nhân vật	Lê Lợi, Lê Thận
Lai lịch của nhân vật (ở đâu?)	ở vùng Lam Sơn
Gắn với sự kiện lịch sử nào và có công lớn gì với cộng đồng?	Đánh đuổi giặc Minh, đem lại cuộc sống bình yên cho người dân

- Đặc điểm cốt truyện

Đặc điểm	Câu trả lời của em
Yếu tố kỳ ảo trong truyện.	Lê Thận nhận được lưỡi gươm, Lê Lợi thấy chuôi gươm phát sáng. Lưỡi và chuôi gươm vừa như in. Nhờ có gươm thần quân Minh bại trận. Long Quân sai Rùa Vàng đòi gươm thần.
Cốt truyện thể hiện nhận thức và tình cảm của nhân dân với nhân vật và sự kiện lịch sử như thế nào?	Ước muốn đánh thắng giặc ngoại xâm, đất nước bình yên. Tình cảm yêu mến, kính trọng vị anh hùng yêu nước Lê Lợi.
Dấu tích xưa còn lưu lại là gì?	Hồ Hoàn Kiếm- Hồ Gươm

PHẦN II. TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

<i>Phiếu học tập số 1</i> <i>Chọn đáp án đúng</i>
<p>Câu 1 (1): Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn vật gì?</p> <p>A. Thanh gươm thần. B. Chiếc nỏ thần. C. Bản đồ chỉ dẫn vào doanh trại quân giặc. D. Lá cờ thêu sáu chữ vàng.</p> <p>Câu 2 (1). Nhân vật nào trong truyền thuyết nhận được thanh gươm đầu tiên?</p> <p>A. Lê Lợi. B. Lê Lai. C. Nguyễn Trãi. D. Lê Thận.</p> <p>Câu 3 (2): Chi tiết Lê Lợi được trao gươm báu trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm thể hiện:</p> <p>A. Lê Lợi là người "nhà Trời" được cử xuống giúp dân ta đánh giặc. B. Tính chất chính nghĩa, hợp lòng dân, ý trời của cuộc khởi nghĩa C. Niềm tin vững chắc của nhân dân ta đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.</p>

D. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ, phù trợ của thánh thần.

Câu 4 (1): Sau khi nhận được báu vật của đức Long Quân, uy thế của nghĩa quân như thế nào?

A. Mạnh lên gấp bội và đuổi được quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.

B. Ngày một tăng, đánh thắng nhiều trận, làm cho quân xâm lược hoang mang.

C. Không có nhiều thay đổi do không có người biết sử dụng.

D. Yếu hơn so với lúc chưa có báu vật.

Câu 5 (2) : Khẳng định truyện Sự tích Hồ Gươm là một truyền thuyết vì:

A. Câu chuyện kể về hoạt động của Lê Lợi và nghĩa quân trong quá trình khởi nghĩa.

B. Câu chuyện kể về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa chống quân Minh được kể lại bằng trí tưởng tượng, bằng sự sáng tạo lại hiện thực lịch sử.

C. Câu chuyện ghi chép hiện thực lịch sử cuộc kháng chiến chống quân Minh.

D. Câu chuyện được sáng tạo nhờ trí tưởng tượng, hư cấu vô cùng phong phú của tác giả dân gian

Phiếu học tập số 2 (2)

Câu hỏi: Vẽ sơ đồ tư duy văn bản sự tích Hồ Gươm

Trả lời:

Phiếu học tập số 3 (2)

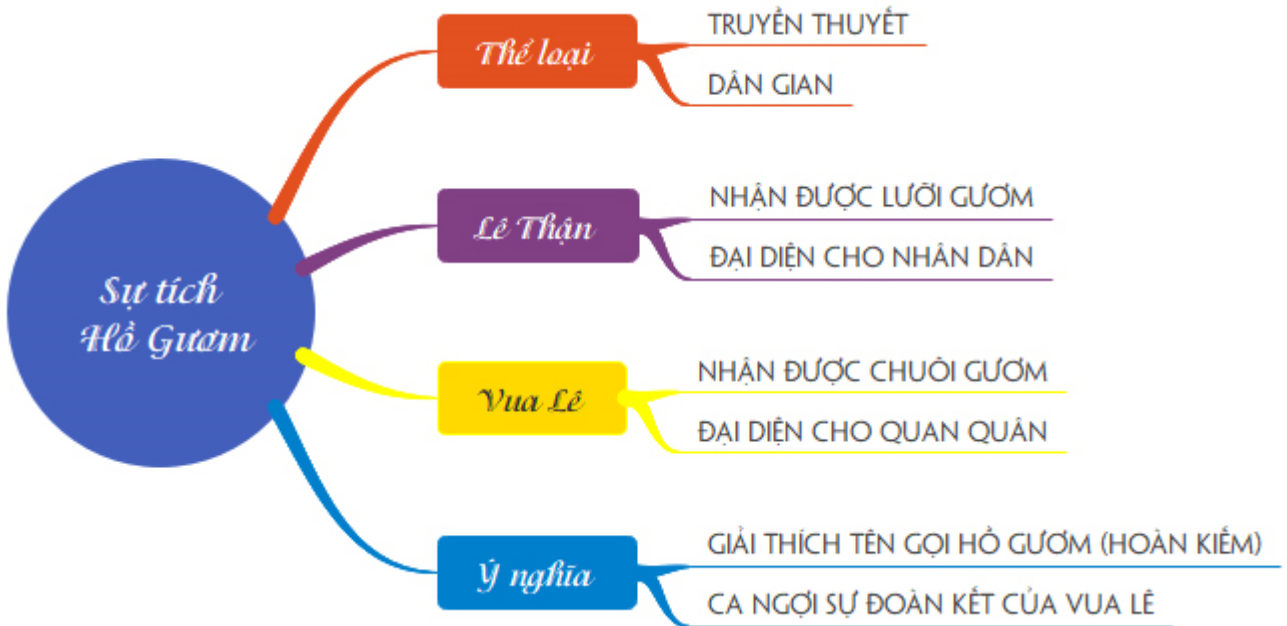
Câu hỏi: Ngoài sự tích Hồ Gươm gắn liền với địa danh, em còn biết truyền thuyết nào khác cũng gắn liền với 1 địa danh cụ thể.

Trả lời:

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. A

2. D
3. D
4. B
5. B
- 6.



7. Sự tích Hồ Ba Bể, sự tích đá Vọng Phu, truyền thuyết về thành Thăng Long.....

PHẦN III. NHỮNG NỘI DUNG HS CẦN GIẢI ĐÁP

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM

HỘI THỎI CƠM THI Ở ĐỒNG VĂN

Yêu cầu: học sinh đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi theo phiếu gợi ý.

Nguồn tài liệu: sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 1 Chân trời sáng tạo trang 25, 26, 27 (HS có thể đọc sách điện tử trên file giáo viên chủ nhiệm gửi)

PHẦN I. PHIẾU HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

Hoạt động : Tìm hiểu nội dung văn bản

Nhiệm vụ: đọc văn bản “Hội thi thổi cơm ở Đồng Văn” trang 25, 26, 27 và trả lời câu hỏi theo phiếu học tập sau:

Giới thiệu hội thổi cơm		Diễn biến	Ý nghĩa	
Thời gian	Địa điểm		Nguồn gốc	Mục đích

Các em nên tự tìm hiểu, ghi nhận câu trả lời rồi tham khảo đáp án nhé!

Các em có thể có cách diễn đạt tương tự, không cần giống từng câu từng chữ trong đáp án nhé! Thầy cô luôn tôn trọng suy nghĩ của các em.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Giới thiệu hội thổi cơm		Diễn biến	Ý nghĩa	
Thời gian	Địa điểm	+ Trống chiêng điểm ba hồi, các đội xếp hàng làm lễ dâng hương. + Thanh niên 4 đội leo lên ngọn cây chuối lấy lửa. + Châm diêm lấy lửa từ nén hương mang xuống. + Những người trong nhóm già thóc, sàng gạo, lấy nước bà bắt đầu thổi cơm. + Sau khoảng một tiếng rưỡi, ban giám khảo đi chấm nồi cơm các đội.	Nguồn gốc	Mục đích
rằm tháng Giêng (15/1 âm lịch)	làng Đồng Văn, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Hà Nội		bắt nguồn từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa.	hội thi là dịp để thanh niên thể hiện sức khỏe, tài năng, sự thông minh, khéo léo và mang lại niềm vui, tiếng cười cho mọi người. → mang đậm bản sắc văn hoá dân gian.

PHẦN II. TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

<i>Phiếu học tập số 1</i>
<i>Chọn đáp án đúng</i>

Câu 1 (1): Lễ hội thổi cơm thi ở Đồng Vân được tổ chức tại tỉnh, thành nào sau đây?

- A. Đồng Tháp
- B. Hà Nội
- C. Hà Nam
- D. Nam Định

Câu 2 (1): Mục đích của hội thổi cơm thi là:

- A. Cầu cho mưa thuận gió hoà
- B. Cầu cho mùa màng được tươi tốt
- C. Để cho thanh niên trong làng được dịp đua tài, thể hiện sự thông minh, khéo léo và mang đến niềm vui cho dân làng sau những ngày mùa mệt nhọc.
- D. Để nâng cao tay nghề nấu cơm.

Câu 3 (1): Công đoạn khó khăn nhất với các đội thi là:

- A. Giã thóc
- B. Châm lửa
- C. Lấy nước
- D. Lấy lửa

Phiếu học tập số 2 (2)

Câu hỏi: Những lễ hội như hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân cho em biết thêm điều gì về lịch sử, văn hoá dân tộc?

Trả lời:

Phiếu học tập số 3 (2)

Câu hỏi: Em hãy lập một kế hoạch (dự kiến) tổ chức một cuộc thi (quy mô nhỏ trong lớp).

Ví dụ: Cuộc thi giới thiệu về cuốn sách mình yêu thích

Trả lời:

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. B
2. C
3. D
4. Gợi ý: giúp em hiểu thêm về nét đẹp của văn hóa dân tộc với nghề trồng lúa nước, sự vất vả và bàn tay khéo léo của con người trong lao động. Từ đó giúp em thêm yêu và trân trọng hạt gạo làm ra.

PHẦN III. NHỮNG NỘI DUNG HS CẦN GIẢI ĐÁP

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

Bài 1 Lắng nghe lịch sử nước mình (tt)

Nội dung tìm hiểu: Tri thức tiếng Việt và thực hành tiếng Việt : Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy), Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng

Yêu cầu: học sinh đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi theo phiếu gợi ý.

Nguồn tài liệu: sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 1 Chân trời sáng tạo trang 18, 19, 27, 28, 29 (HS có thể đọc sách điện tử trên file giáo viên chủ nhiệm gửi)

PHẦN I. PHIẾU HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

Phiếu số 1

Dựa vào phần đọc ở trang 18,19 hãy hoàn thành phiếu học tập sau:

Kiểu CT từ		Khái niệm/ đặc điểm
Từ đơn		
Từ phức	Từ ghép	

	Từ láy	
--	-----------	--

Phiếu số 2

Câu hỏi: Từ phần đọc hiểu trang 19 hãy nêu những hiểu biết của em về thành ngữ:

Câu trả lời:

*Các em nên tự tìm hiểu, ghi nhận câu trả lời rồi tham khảo đáp án nhé!
Các em có thể có cách diễn đạt tương tự, không cần giống từng câu từng chữ trong đáp án
nhé! Thầy cô luôn tôn trọng suy nghĩ của các em.*

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Phiếu số 1

Dựa vào phần đọc ở trang 18,19 hãy hoàn thành sơ đồ sau

Kiểu CT từ		Khái niệm/ đặc điểm
Từ đơn		Từ có 1 tiếng
Từ phức	Từ ghép	<ul style="list-style-type: none"> - Là từ có hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. - Nghĩa của từ ghép có thể có rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của tiếng gốc tạo ra nó
	Từ láy	<ul style="list-style-type: none"> - Là từ có hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ láy âm với nhau - Nghĩa của từ láy có thể tăng hay giảm về mức độ, tính chất hoặc thay đổi sắc thái nghĩa so với tiếng gốc tạo ra nó

Phiếu số 2

Câu hỏi: Từ phần đọc hiểu trang 19 hãy nêu những hiểu biết của em về thành ngữ:

Câu trả lời: Là một tập hợp từ cố định, quen dùng. Nghĩa của thành ngữ thường là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tình hình tượng và biểu cảm.

PHẦN II. TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phiếu học tập số 1 (1)

Yêu cầu: Phân từ đơn, từ phức trong đoạn văn sau vào mô hình bên dưới:

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai

phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên võ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. (Thánh Gióng)

Từ đơn	Từ phức

Phiếu học tập số 2 (1)

Yêu cầu: Phân chia ghép, từ láy tìm được trong đoạn văn sau vào mô hình bên dưới:

Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay gỡ thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt (Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân)

Từ ghép	Từ láy

Phiếu học tập số 3 (2)

Tạo ra từ ghép từ các tiếng dưới đây:

Tiếng	Từ ghép
a. ngựa	
b. sắt	
c. thi	
d. áo	

Phiếu học tập số 4 (2)

Tạo ra từ láy từ các tiếng dưới đây:

Tiếng	Từ láy
a. nhỏ	
b. khoẻ	
c. óng	
d. dẻo	

Phiếu học tập số 5 (1)

Yêu cầu: Tìm và ghép thành ngữ (cột A) với nghĩa của thành ngữ (cột B) trong bảng dưới đây sao cho phù hợp:

A Thành ngữ	B Nghĩa của thành ngữ

1. Chết như rạ	a. Nhận xét ai làm gì rất nhanh
2. Mẹ tròn con vuông	b. Lòng oán giận và hận thù với ai đó rất sâu nặng
3. Cầu được ước thấy	c. chết rất nhiều
4. Oán nặng thù sâu	d. Điều mong ước trở thành hiện thực
5. Nhanh như cắt	đ. Việc sinh nở thuận lợi, tốt đẹp
	e. Chỉ những người có hiểu biết hạn hẹp nhưng lại cho mình thông minh, tài giỏi

Phiếu học tập số 6 (2)

Yêu cầu: Đặt một câu miêu tả khí thế chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn có dùng thành ngữ “chết như rạ”

Trả lời:

Phiếu học tập số 7 (2)

Yêu cầu: Tìm thành ngữ có chứa các từ dưới đây

Từ	Thành ngữ
a. nước	
b. mật	
c. ngựa	
d. nhạt	

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1.

Từ đơn	Từ phức
vùng, dẫy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, võ, vào, ngựa, hí, dài, máy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa	chú bé, tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt, vang dội, áo giáp

2.

Từ phức

Từ ghép	Từ láy
giã thóc, giần sàng, bắt đầu, dự thi, nồi cơm, cánh cung, dây lưng	nho nhỏ, khéo léo

3.

Phiếu học tập số 3 (2)	
Tạo ra từ ghép từ các tiếng dưới đây:	
Tiếng	Từ ghép
a. ngựa	con ngựa, ngựa đực
b. sắt	ngựa sắt, sắt thép
c. thi	kì thi, thi đua
d. áo	áo quần, áo giáp, áo dài

4.

Phiếu học tập số 4 (2)	
Tạo ra từ láy từ các tiếng dưới đây:	
Tiếng	Từ láy
a. nhỏ	nho nhỏ, nhỏ nhắn
b. khoẻ	khoẻ khoắn
c. óng	óng ánh
d. dẻo	Dẻo dai

5.

Đáp án: 1c, 2đ, 3d, 4b, 5a

6.

Gợi ý: Nghĩa quân Lam Sơn tiến nhanh về phía quân địch, tiêu diệt hết lớp này đến lớp khác, khiến cho chúng chết như rạ.

7.

Từ	Thành ngữ
a. nước	a. nước: nước chảy đá mòn, nước mặn đồng chua
b. mật	b. mật: nằm gai nếm mật, mật ngọt chết ruồi

c. ngựa	c. ngựa: ngựa quen đường cũ, ngựa non háu đá
d. nhạt	d. nhạt: nhạt như nước ốc

PHẦN III. NHỮNG NỘI DUNG HS CẦN GIẢI ĐÁP

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.